FireAnt

CTCP Phát triển Hạ tầng Vĩnh Phúc (HNX: IDV)

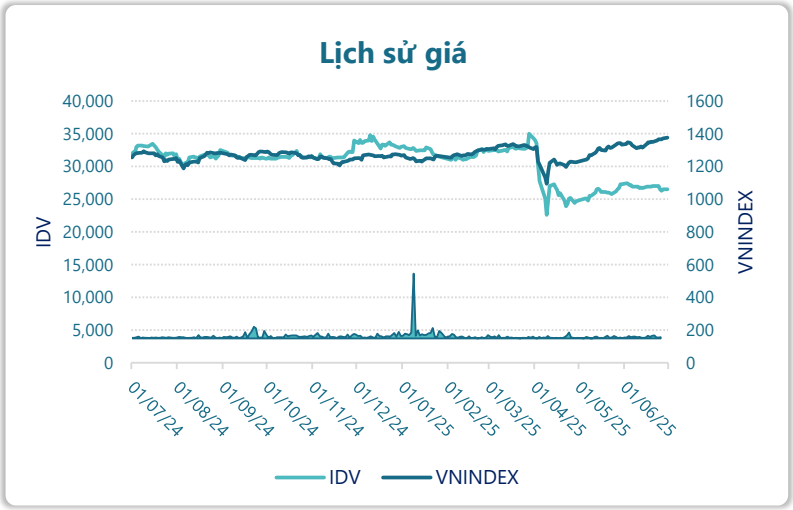

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**26,500**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	35,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	22,600
SL cổ phiếu LH	41,236,777
KLGD BQ 20 phiên (CP)	13,580
% sở hữu nước ngoài	20.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,093
P/E	11.9
EPS	2,219

DT thuần

Q2/25

27.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 3.20| 12.9%

YoY: ▲ 0.30| 1.0%

LN sau thuế

Q2/25

16.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 3.20| 25.0%

YoY: ▼14.1| -46.6%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

72.4%

+/- YoY: ▼ 54.2%

DT thuần

6T 2025

52.4

tỷ VNĐ

YoY: ▼14.2| -21.3%

LN sau thuế

6T 2025

29.1

tỷ VNĐ

YoY: ▼33.9| -53.9%

ROE

Q2/25

10.5%

+/- YoY: ▼ 10.5%

Kết quả kinh doanh

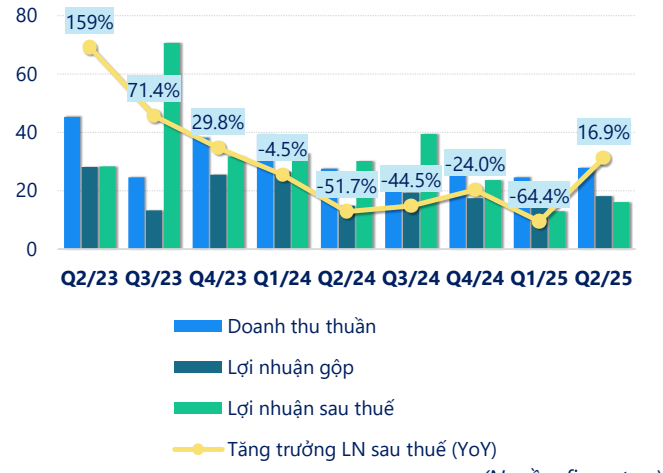

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

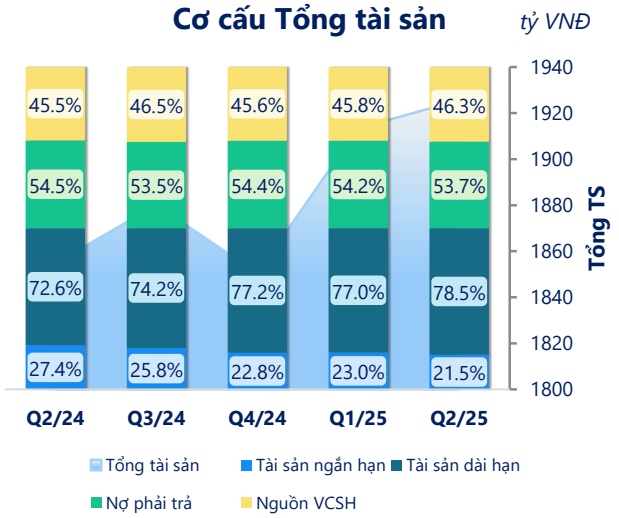

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

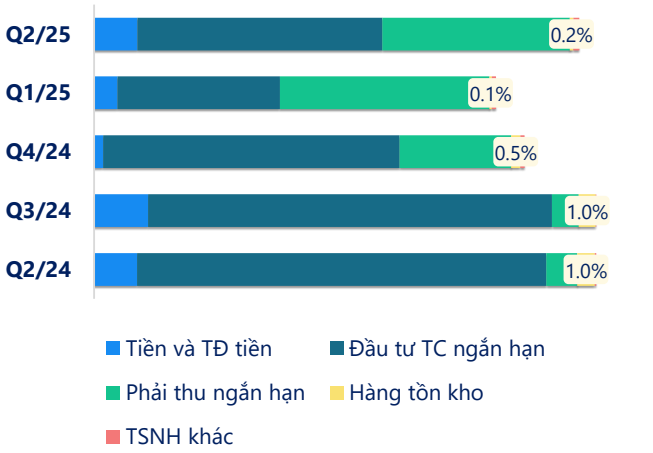

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

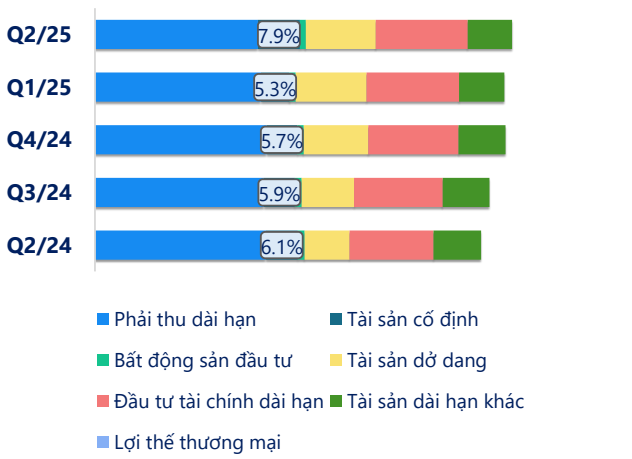

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

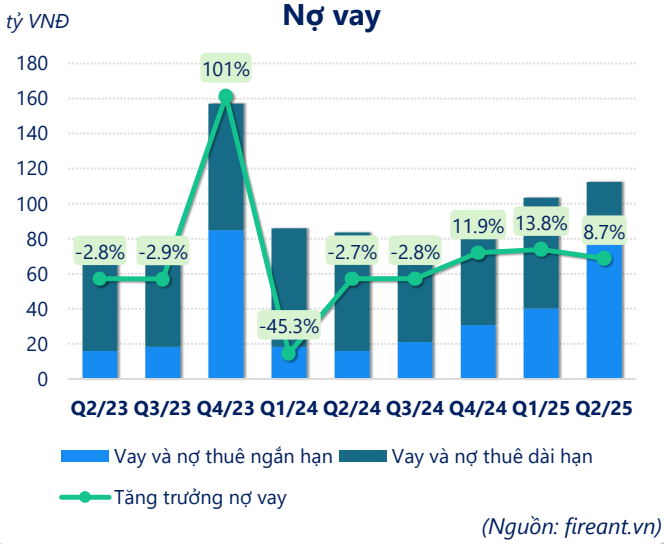

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

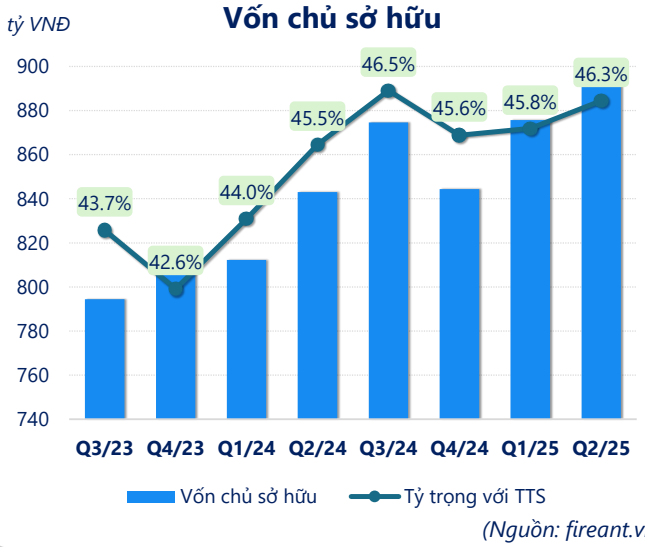

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

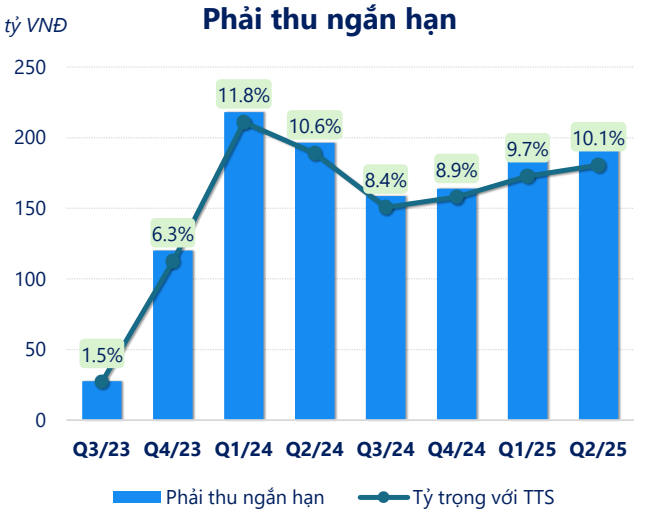

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

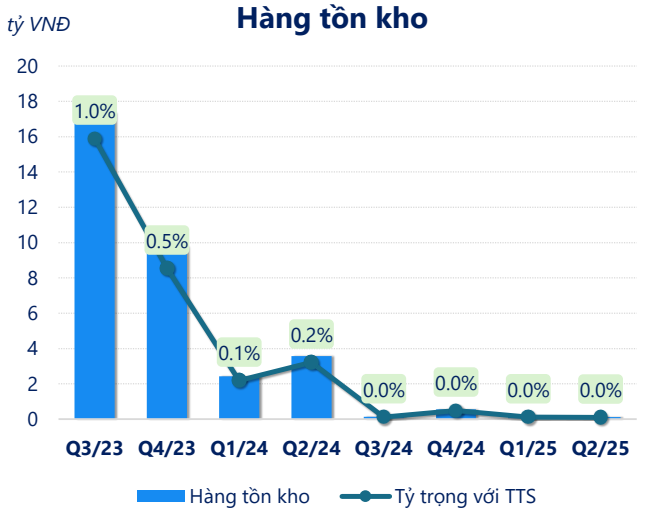

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

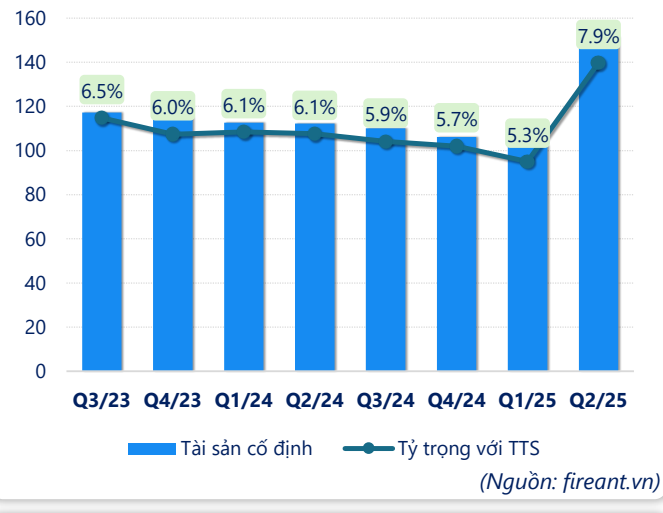

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

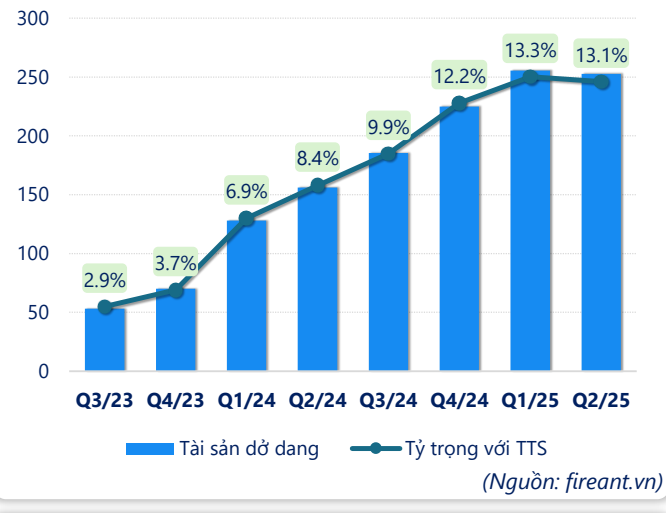

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

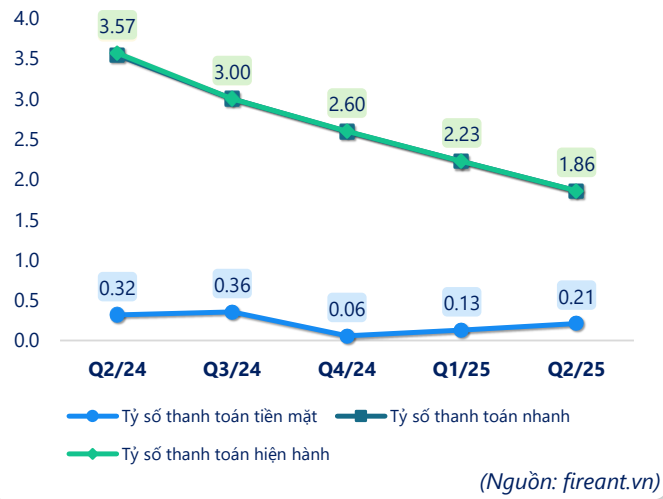

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

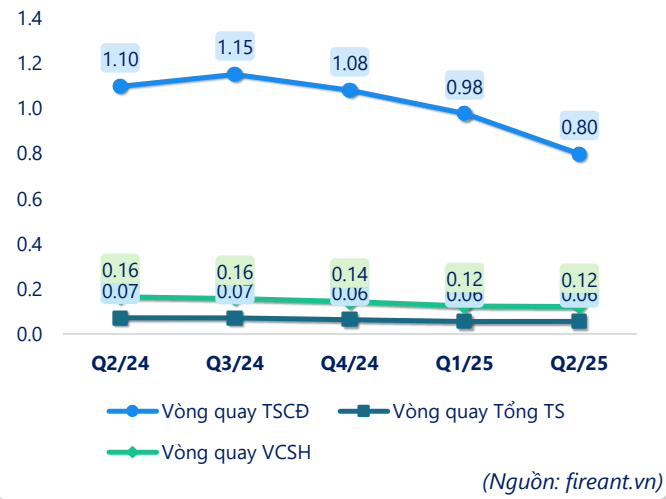

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**1,855**	**1,880**	**1,850**	**1,913**	**1,926**
Tài sản ngắn hạn	**507**	**485**	**421**	**441**	**415**
Tiền và tương đương tiền	45.0	57.4	9.42	25.3	47.2
Đầu tư tài chính ngắn hạn	256	261	238	211	150
Phải thu ngắn hạn	196	159	164	185	195
Hàng tồn kho	3.57	0.13	0.55	0.13	0.11
Tài sản ngắn hạn khác	6.46	7.93	10.0	19.4	22.7
Tài sản dài hạn	**1,347**	**1,395**	**1,429**	**1,473**	**1,511**
Phải thu dài hạn	595	597	597	597	590
Tài sản cố định	112	110	106	102	151
Bất động sản đầu tư	24.1	23.7	23.3	22.8	22.4
Tài sản dở dang	156	185	225	255	253
Đầu tư tài chính dài hạn	293	314	314	333	333
Tài sản dài hạn khác	167	165	164	162	161
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**1,012**	**1,005**	**1,006**	**1,038**	**1,034**
Nợ ngắn hạn	**142**	**162**	**162**	**198**	**223**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	16.0	21.1	30.8	40.3	78.2
Phải trả người bán ngắn hạn	1.39	2.97	6.72	4.78	2.18
Nợ dài hạn	870	844	844	840	811
Vay và nợ thuê dài hạn	67.5	60.1	60.1	63.2	34.2
Nguồn vốn chủ sở hữu	**843**	**875**	**844**	**876**	**892**
Vốn chủ sở hữu	**843**	**875**	**844**	**876**	**892**
Vốn điều lệ	359	359	359	412	412
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)